

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 78/2020/HNGĐ-ST

Ngày 16/12/2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 1. Ông: Võ Thanh Minh
 2. Ông: Nguyễn Văn Diệp
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà La Thị Thúy Vi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2020 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 479/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 10 năm 2020, về việc: “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/11/2020 giữa các đương sự:

- + Nguyên đơn: **Phan Thị Bé C**, sinh năm: 1979. Có mặt.
Hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
Tạm trú: Ấp L, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.
- + Bị đơn: **Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1951. Có đơn xin vắng mặt.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phan Thị Bé C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cãi vã và không quan tâm lẫn nhau. Chị nhiều lần tạo cơ hội và động viên khuyên giải để hòa hợp nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chị và anh D không còn sống chung từ năm 2004 đến nay. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn với anh D.

Trong thời gian chung sống chị và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 23/9/2002 đã trưởng thành nên không đề cập đến việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn D vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại biên bản làm việc ngày 05/11/2020 như sau:

Anh và chị Phan Thị Bé C tự nguyện kết hôn vào khoảng năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2004 thì phát sinh mâu thuẫn. Do điều kiện kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xảy ra gây gổ, chị C bỏ nhà đi không về sống chung với anh nữa. Nay, chị C xin ly hôn anh cũng đồng ý do không còn tình cảm vợ chồng.

Anh và chị C có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 23/9/2002 đã trưởng thành.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Bé C đối với anh Nguyễn Văn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe các đương sự phát biểu tranh luận. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh Nguyễn Văn D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Xét thấy, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ kiện: Chị Phan Thị Bé C và anh Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2004 thì xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân cho đến nay. Chị C cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không quan tâm đến hạnh phúc gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải và tạo điều kiện để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả. Nay, chị C khẳng định mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nên xin ly hôn với anh D. Anh D cũng đồng ý ly hôn vì không còn tình cảm với chị C nhưng do bận công việc và sức khỏe kém nên anh xin vắng mặt. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên anh D và chị C thuận tình ly hôn. Nhưng do anh D vắng mặt tại tòa nên Hội đồng xét xử không thể ghi nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị được mà căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho chị C và anh D được ly hôn.

[3] Trong quá trình chung sống, chị C và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 23/9/2002 đã trưởng thành, hai bên không đề cập đến việc nuôi dưỡng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị Bé C đối với anh Nguyễn Văn D.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị Bé C và anh Nguyễn Văn D được ly hôn.

2. Về con chung: Chị C và anh D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ H, sinh ngày 23/9/2002, đã trưởng thành không đề cập đến việc nuôi dưỡng nên ghi nhận.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị C và anh D khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Phan Thị Bé C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001444 ngày 05/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị C đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo, bị đơn vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi cư trú của bị đơn để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND T. Bến Tre;
- VKS H. Châu Thành;
- THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Hằng